VIỆN NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM

HỒ SƠ NĂNG LỰC

MỤC LỤC

1 Giới thiệu chung

2 Văn kiện pháp lý

3 Năng lực nhân sự

4 Năng lực tài chính

5 Năng lực thiết bị

6 Dịch vụ

7 Kinh nghiệm

Viện Nền móng và Công trình ngầm

Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

024-6269-0482
024-6269-0615

GIỚI THIỆU CHUNG

Viện Nền móng và Công trình ngầm
Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
024-6269-0482
024-6269-0615

GIỚI THIỆU CHUNG

Viện Nền móng và công trình ngầm tự hào là Viện nghiên cứu đầu tiên trực thuộc một doanh nghiệp xây dựng tư nhân tại Việt Nam, thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký số 262/ĐK-KH&CN do Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội, cấp ngày 19 tháng 01 năm 2010.

Viện nền móng và công trình ngầm được thành lập nhằm duy trì và phát triển các hoạt động khảo sát, thí nghiệm, thiết kế nền móng, đặc biệt nhằm đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu phát triển & ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực nền móng và công trình ngầm. Mọi hoạt động khoa học kỹ thuật của **Viện** được định hướng bởi hội đồng khoa học bao gồm 18 thành viên là các Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ có nhiều kinh nghiệm và có tâm huyết đóng góp cho khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nền móng và địa kỹ thuật công trình.

Sứ mệnh của **Viện** là củng cố các hoạt động khoa học công nghệ hiện tại, rà soát và thiết lập các qui trình chuẩn các công nghệ sản xuất, thi công, thí nghiệm đang triển khai của FECON, nghiên cứu để áp dụng các công nghệ mới có liên quan đến thi công nền móng và công trình. Đồng thời, **Viện** cũng thay mặt **Viện** để triển khai các hoạt động quan hệ quốc tế liên quan đến khoa học công nghệ.

Với định hướng kết hợp nghiên cứu, phát triển và đào tạo với hoạt động sản xuất kinh doanh, **Viện** đã nhận được những đánh giá tích cực từ phía khách hàng và chủ đầu tư vì mang lại hiệu quả đầu tư cao, có ý nghĩa thiết thực không những về mặt kỹ thuật, chất lượng công trình mà còn về cả mặt kinh tế như giúp giảm chi phí giá thành xây dựng, rút ngắn thời gian tiến độ thi công, giải pháp thân thiện với môi trường… góp phần giúp công ty **Viện** trở thành một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực nền móng công trình và nhận được nhiều giải thưởng, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của UBND TP Hà Nội, giải thưởng thương hiệu mạnh Việt Nam liên tiếp trong nhiều năm… Không dừng lại ở những thành công trên, nhận thấy Việt Nam đang có nhu cầu lớn trong việc xây dựng các công trình ngầm và phát triển không gian ngầm như là một giải pháp hợp lý cho sự phát triển bền vững của đất nước trước tốc độ đô thị hoá ngày càng nhanh, **Viện** tiếp tục đặt ra cho mình hướng đi mới trong việc bắt đầu nghiên cứu tìm giải pháp công nghệ tối ưu cho xây dựng phát triển các công trình ngầm và không gian ngầm mở ra hướng phát triển kinh doanh mới của công ty **Viện** trong thời gian tới.

GIỚI THIỆU CHUNG

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VIỆN NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM

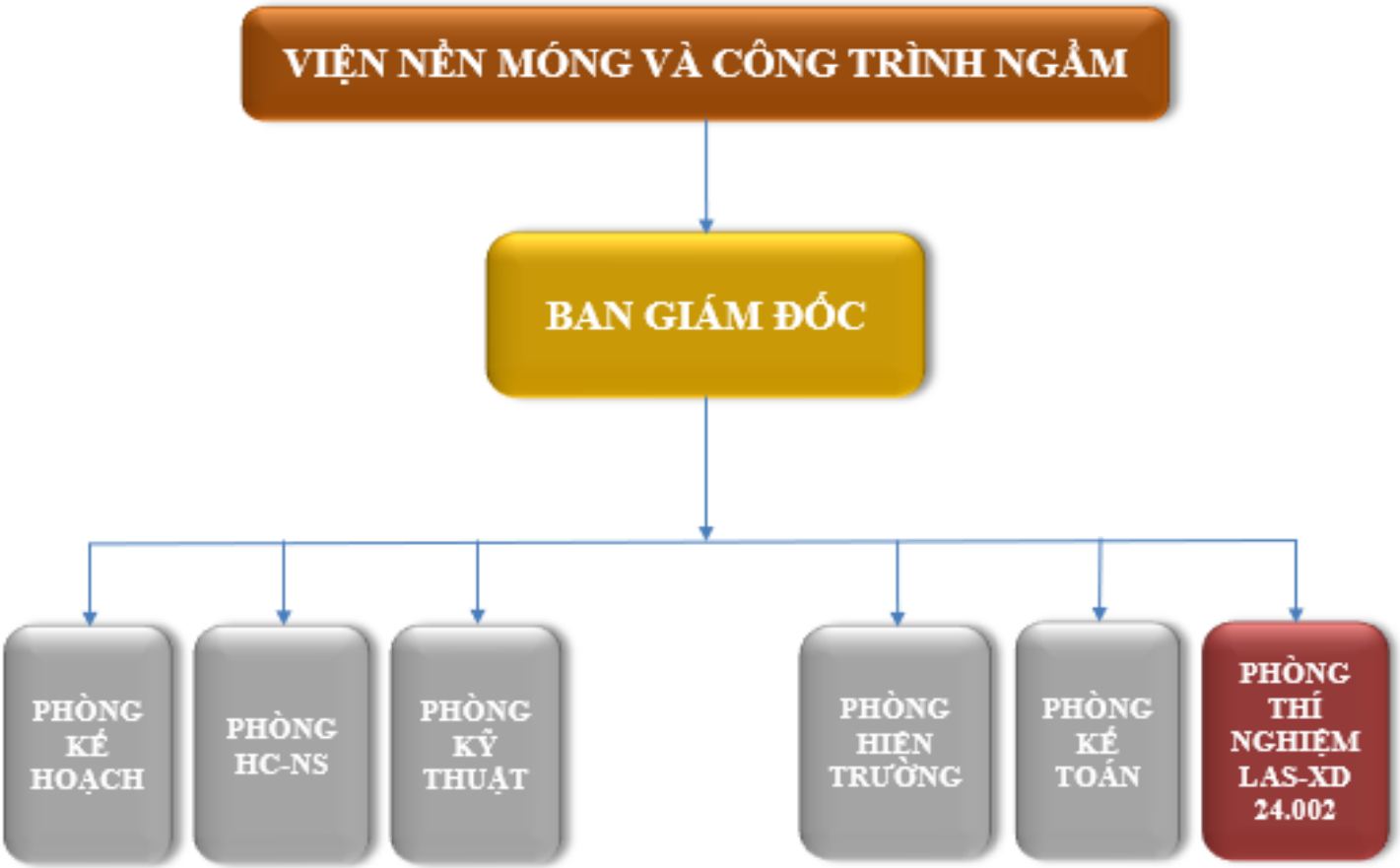

Viện Nền móng và Công trình ngầm
Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
024-6269-0482
024 -6269-0615

VĂN KIỆN PHÁP LÝ

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đăng ký lần đầu, ngày 19 tháng 01 năm 2010
Đăng ký lần thứ 10, ngày 16 tháng 8 năm 2018

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

VIỆN NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM

Tên viết bằng tiếng nước ngoài:

INSTITUTE OF FOUNDATION AND UNDERGROUND ENGINEERING

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Tổng số vốn: 26.000.000.000 (VNĐ)

Cơ quan quyết định thành lập:

Công ty CP Tư vấn Kỹ thuật hạ tầng Golden Earth

Quyết định thành lập:090905/QĐ/HĐQT-FECON ngày 01/10/2009

Quyết định thành lập lại:03/2018/HĐQT-GE ngày 07/8/2018

Cơ quan quản lý trực tiếp:

Công ty CP Tư vấn Kỹ thuật hạ tầng Golden Earth

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Nguyễn Mai Trang

CCCD: số 001180001719 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 07/12/2016

SỐ ĐĂNG KÝ: 262/ĐK-KH&CN

Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ sau:

- ***Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về nền móng công trình và công trình ngầm;***
- ***Sản xuất thử nghiệm các sản phẩm là kết quả của quá trình nghiên cứu về nền móng công trình và công trình ngầm;***
- ***Dịch vụ khoa học và công nghệ:***

  + Tư vấn xây dựng: khảo sát xây dựng công trình hạng I; tư vấn thiết kế trong lĩnh vực nền móng công trình và công trình ngầm;

  + Thực hiện các thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

  + Quan trắc địa kỹ thuật, quan trắc công trình giao thông, công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình thủy lợi;

  + Liên kết đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho các thí nghiệm viên, kiểm định viên, cán bộ dự án về nền móng công trình và công trình ngầm;

  + Chuyển giao công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế về nền móng công trình và công trình ngầm ./.

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền).

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Quốc Hà

BỘ XÂY DỰNG
CỤC QUẢN LÝ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: BXD-00004180

(Ban hành kèm theo Quyết định gia hạn số: 32/QĐ-HĐXD-DN ngày 29/7/2022)

Tên tổ chức: VIỆN NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 262/ĐK-KH&CN
Ngày cấp: 19/1/2010.
Nơi cấp: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội.
Tên người đại diện theo pháp luật:
Ông/Bà: Nguyễn Mai Trang Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
Số điện thoại: 024.6269.0481 Số fax:
E-mail: Website:
Phạm vi hoạt động xây dựng:
1. Khảo sát xây dựng: Hạng I
Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 29/7/2032.

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2022
CỤC TRƯỞNG

CỤC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Hoàng Quang Nhu

KNA CERTIFICATION
Quality Innovation

GIẤY CHỨNG NHẬN/ *CERTIFICATE*

CẤP CHO/ *AWARDED TO*

VIỆN NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM

INSTITUTE OF FOUNDATION AND UNDERGROUND ENGINEERING

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà CEO, lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Address: 16th floor, CEO tower, Lot HH2-1, Me Tri Ha ubran area, Pham Hung road, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi
Phòng thử nghiệm: Số 31, Ngõ 4, Phố Đỗ Đức Dục, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Laboratory: No. 31, Lane 4, Do Duc Duc Street, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi

MÃ SỐ THUẾ/ TAX CODE: 0108383855

KNA Cert chứng nhận rằng hệ thống quản lý chất lượng của Công ty trên đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn

KNA Cert certifies that the Quality Management System of the above organization has been audited and found to be in compliance with the requirements of the management system standard detailed below

Tiêu chuẩn/ *Standard*

ISO 9001:2015

Phạm vi chứng nhận/ *Scope of certification*

THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG, KHẢO SÁT XÂY DỰNG, QUAN TRẮC ĐỊA KỸ THUẬT, TƯ VẤN THIẾT KẾ

Foundation Testing, Geotechnical Investigation And Topographic Survey, Geotechnical Monitoring, Consultancy Services

Certificate code
Mã truy xuất chứng chỉ

Ngày cấp lần đầu/*The first of issued date:* **24/08/2019**
Ngày cấp/*Issued date*: **11/08/2023**
Ngày hết hạn/*Expiry date*: **23/08/2025**

CERTIFICATION DIRECTOR
Giám đốc chứng nhận

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG NHẬN KNA
M.S.D.N: 0107087451 - C.T.T.N.H.H - Q. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

PHẠM MINH LUÂN

KNA Cert ISO 9001:2015
VICAS 059-QMS

Certificate No. KAC19/02408

KNA Certification Co., Ltd
Head Office: 11th Floor, Ladeco Building, 266 Doi Can, Ba Dinh, Ha Noi, Viet Nam
Branch: 7th Floor, Hyco4 Tower Building, 205A Nguyen Xi, Binh Thanh, HCMC, Viet Nam
Tel: (+84)2438.268.222 - Hotline: 090.4444.679 – Website: www.knacert.com.vn

MẠNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VIỆT NAM
CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN

- Căn cứ Quy chế Hoạt động của Mạng Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Việt Nam ban hành ngày 18/5/2011;
- Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phát triển Công nghệ quản lý và Kiểm định xây dựng - Cơ quan thường trực Mạng Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Việt Nam,

CHỨNG NHẬN

VIỆN NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM

Tầng 16, tòa nhà CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, TP. Hà Nội

Là đơn vị thành viên của:

MẠNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VIỆT NAM (VNBAC)

TM. CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH
CỤC TRƯỞNG CỤC GIÁM ĐỊNH NHÀ NƯỚC
VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

CỤC GIÁM ĐỊNH NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
BỘ XÂY DỰNG

Phạm Minh Hà

Số chứng nhận: 211/MKĐ

Giấy chứng nhận có giá trị đến hết ngày 31/01/2024

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02 /GCN-SXD(GĐXD)	*Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2023*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội và Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Xét Hồ sơ đăng ký cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đề ngày 02/8/2023 của Viện Nền móng và Công trình ngầm - Công ty Cổ phần Tư vấn kỹ thuật Hạ tầng GOLDEN EARTH (gửi Sở Xây dựng ngày 28/8/2023); Biên bản đánh giá thực tế phòng thí nghiệm ngày 06/9/2023; Văn bản số 57/2023/CV-VNM&CTN ngày 07/9/2023 của Viện Nền móng và Công trình ngầm - Công ty Cổ phần Tư vấn kỹ thuật Hạ tầng GOLDEN EARTH (gửi Sở Xây dựng ngày 11/9/2023) về việc báo cáo kết quả khắc phục nội dung còn thiếu trong biên bản đánh giá Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Viện Nền móng và Công trình ngầm - Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Hạ tầng GOLDEN EARTH

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 262/ĐK-KH&CN cấp đăng ký lần đầu ngày 19/01/2010, đăng ký lần thứ 11 ngày 27/05/2019 do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp

Mã số thuế: 0108383855

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà CEO, lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024-62690482

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm LAS-XD 442**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: số nhà 31, ngõ 04, đường Đỗ Đức Dục, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 24.002**

3. Giấy chứng nhận này thay thế các Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 221/GCN-BXD ngày 09/9/2020, số 311/GCN-BXD ngày 23/12/2020 và số 80/GCN-BXD ngày 27/4/2021 của Bộ Xây dựng và có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Viện Nền móng và Công trình ngầm - Công ty CP Tư vấn Kỹ thuật Hạ tầng Golden Earth;
- Bộ Xây dựng; (để b/c)
- Đ/c Giám đốc Sở XD;
- Đ/c Hoàng Cao Thắng-PGĐ SXD;
- Lưu: VT, CCGĐXD (H.N.Duy 08b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hoàng Cao Thắng

ChicucGĐXD

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.002

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số /GCN-SXD(GĐXD) ngày tháng 09 năm 2023)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
I	**CƠ LÝ XI MĂNG**	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003; ASTM C184:1994; ASTM C188:2015; ASTM C204:2017 ASTM C430:2017; AASHTO T133 AASHTO T153; AASHTO T192:2011 EN 196-6:2010; JIS R 5201:2015; AASHTO T128
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109 :2016 AASHTO T06 :2013; EN 196-1:2005 JIS R 5201:1997; ISO 679:2009 TCVN 9488:2012; ASTM C348, C349
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187:2016 ASTM C191:2018; AASHTO T131:2010 EN 196-3:2009; JIS R 5201:2007 ISO 9597:2008; TCVN 8875:2012 TCVN 9488:2012; TCVN 10653:2015 ASTM C266, C451, C807; AASHTO T129
II	**HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**	
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143M :2015(a) AASHTO T119:2013; EN 12350-2:2009 JIS A 1101:2005; ISO 1920-2:2005
2	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232 :2014 AASHTO T158 :2011; EN 12350-4:2009 EN 480-4:2005; JIS A 1123:2011
3	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642 :2013 EN 12390-7:2009; ASTM C1585 BS 1881-222, 208
4	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022; ASTM C642 :2013 EN 12390-7:2009; ASTM C138, C642 AASHTO T121
5	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39:2018 ASTM C42:2018; AASHTO T22:2010 AASHTO T140:1997; AASHTO T24:2007 EN 12390-3:2009; EN 12504-1:2009 JIS A 1108:2006; JIS A 1107:2012 AS 1012.9:2014; JIS A1136
6	Xác định độ cứng VEBE của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:2022; ASTM C1170; EN 12350-3
7	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C469 JIS A1127, A1149
8	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:1993; ASTM C642; EN 12390-7
9	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022; TCVN 8219:2009 EN 12390-8
10	Xác định modun đàn hồi khi nén tĩnh của bê tông.	TCVN 5726:2022

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
11	Phương pháp xác định cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120:2022; ASTM C496; AASHTO T198; EN 12390-6; JIS A1113
III	**CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**	
1	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136 :2014 AASHTO T27:2011; EN 933-1:2012 JIS A 1102:2014; ISO 6274:1982 AASHTO T11; AASHTO T39
2	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127-2015 ASTM C128-2015; AASHTO T84:2013 AASHTO T85:2013; EN 1097-6:2013 EN 1097-7:2008; JIS A 1109:2006 JIS A 1110:2006; JIS A 1111:2007
3	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127 :2015 AASHTO T85-2013; EN 1097-6:2013 EN 1097-7:2008
4	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29 :2017(a) AASHTO T19:2009; EN 1097-3:1998 EN 1097-4:2008; JIS A 1104:2006 TCVN 10322 :2014
5	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566 :2013 AASHTO T255 :2012; EN 1097-5:2008 JIS A1125:2007; TCVN 10321:2014
6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117:2017 ASTM C142:2017; AASHTO T11:2009 AASHTO T112:2012; EN 933-1:2012 JIS A 1103:2014; JIS A 1137:2014 TCVN 9205:2012
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40:2016 AASHTO T21:2009; JIS A1105:2007 JIS A1142:2007
8	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM; D7012:2014(e1) JIS M0302:2000; TCVN 10324:2014 ASTM C170, D2938; BS 812: Part 810, 811
9	Xác định độ nén dập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; AS 1141.22:2019
10	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131:2014 ASTM C535:2016; AASHTO T96 :2015 AASHTO T327:2012; JIS A1121:2007 ASTM C88
11	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; AASHTO T335:2009 EN 933-3:2012; EN 933-4:2008 EN 933-5:1998; ASTM D 4791
12	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006; JIS A1126:2007
13	Xác định hàm lượng hạt dập vỡ	TCVN 7572-18:2006
14	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
15	Xác định hệ số ES	ASTM D2419; AASTHO T176; EN 933
IV	**VỮA XÂY DỰNG**	
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
2	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dằn)	TCVN 3121-3:2022
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
4	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
5	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-09:2022

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
6	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
7	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
8	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022
9	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
V	**CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG**	
1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO T100:2010 ASTM D854:2014; BS 1377 Part 2-1990 ISO17892 - part3; JIS A1202
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216:2010 BS 1377 Part 2:1990; ASTM D4959 ASTM D4643; ISO17892 - part1 AASHTO T217, T265; BS 512; JIS A1203
3	Xác đinh giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; GOST 5180 :1984 AASHTO T89:2013; AASHTO T90 :2008 ASTM D4318-17e1; BS 1377 Part 2:1990 ISO17892-part 12; ASTM D423, D424 JIS A1205
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T88 :2013 AASHTO T27:2011; ASTM C136:2014 ASTM D1140:2017; ASTM D422:2007 BS 1377 Part 2:1990; ASTM D7928:2017 ASTM D6913/6913M :2017; ISO17892 - part4; JIS A 1204
5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; ASTM D3080:2011 BS 1377 Part 7:1990; ISO17892-part 10 AASHTO T236
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435:2011 BS 1337 part 5&6:1990; ISO17892-part 5 AASHTO T216; JIS A1217; ASTM D3877, D4546; ASTM D4186
7	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937:2017(e2) BS 1377 Part 2:1990; ASTM D7263 ASTM D 2167; ISO17892 –part2 AASHTO 204
8	Xác định sức kháng hình côn (trùy)	ISO17892-part 6
9	Xác định khối lượng thể tích lớn nhất	TCVN 8721:2012; ASTM D4253:2016
10	Xác định khối lượng thể tích nhỏ nhất	TCVN 8721:2012; ASTM D4254:2016
11	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020 22TCN 333:2006; ASTM D1557 AASHTO T180; BS 1377 Part 4 :1990 ASTM D558, D559, D560, D698 AASHTO T134,T135, T136; JIS A1210
12	Thí nghiệm sức chịu tải của đất, đá dăm (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006; TCVN 12792:2020 AASHTO T193:2013; BS 1377 Part 4:1990 ASTM D1883-16; ASTM D3668; JIS A1211
13	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434:2006; TCVN 8723:2012 BS 1377 Part 5:1990; ISO17892-part 11 14 TCN 139:2005; AASHTO T215 JIS A1218; ASTM D5084

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
14	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
15	Xác định độ bền nén của đất trong điều kiện có nở hông	ASTM D2166:2016; BS 1377-7:1990 ISO 1377 part 7:2017; TCVN 9438:2012 AASHTO T208; JIS A1216
16	Xác định sức chống cắt trên máy cắt 3 trục theo sơ số UU	TCVN8868:2011; ASTM D2850:2015 BS 1377-7:1990; AASHTO T296:10 AASHTO T234:70; ISO 17892-Part 7
17	Xác định sức chống cắt trên máy cắt 3 trục theo sơ số CU	TCVN8868:2011; ASTM D4767 :2011 BS 1377-8:1990; AASHTO T296:2010 AASHTO T234:1970; ISO 17892-Part 8
18	Xác định sức chống cắt trên máy cắt 3 trục theo sơ số CD	TCVN8868:2011; ISO 17892-Part 9 BS 1377-8:1990; AASHTO T296:2010 AASHTO T234:1970; ASTM D7181:2020
19	Xác định hàm lượng chất hữu cơ trong đất	TCVN 8726:2012; ASTM D2974:2014 BS 1377-3:1990; AASHTO T267:2008
20	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012; ASTM D4647:2013 AS 1289.3.8.1
21	Xác định đặc trưng trương nở của đất trong phòng thí nghiệm	ASTM D4546:2014(e1); TCVN 8719:2012 BS 1377 part 5:1990
22	Xác định đặc trưng lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	ASTM D4546:2014(e1); TCVN 8722:2012
23	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012; ASTM D955:2014 ASTM D6289:2013; BS 1377: Part 2:1990
24	Thí nghiệm vi xuyên (PP)	ASTM WK27337; ASTM D1558:2010
25	Thí nghiệm vi cắt cánh (MVST)	ASTM D4648 /D4648M:2016; TCVN 8725:2012;
26	Xác định độ mài mòn của mẫu cát, sỏi	NF P18-579; ASTM D7428 ASTM D6928; BS 812 part 110:1990
27	Xác định hệ số cố kết ngang và cố kết đứng (CRS)	ASTM D4186:2012(e1)
28	Xác định lượng muối của đất	TCVN 8727:2012
29	Mô đun đàn hồi Eo của đất nền bằng thử nghiệm trong phòng	22TCN211:2006 phụ lục B (phần B.5)
30	Mô đun đàn hồi Eo của vật liệu hạt không sử dụng chất liên kế. (Cấp phối đá dăm, cấp phối thiên nhiên)	22TCN211:2006 phụ lục B (phần C.4)
31	Thí nghiệm xác định modun đàn hồi và hệ số giảm chấn của đất bằng thí nghiệm 3 trục động	ASTM 3999:2011; BS EN 1997-2:2007
32	Thí nghiệm xác định cường độ của đất dưới tác dụng tải trọng động bằng phương pháp thí nghiệm 3 trục kiểm soát ứng suất lệch (thí nghiệm xác định khả năng hóa lỏng của đất)	ASTM D5311:2013
33	Thí nghiệm xác định cường độ kháng cắt tàn dư của đất dính bằng thiết bị cắt vòng	ASTM D6467:2013
34	Thí nghiệm xác định cường độ kháng cắt không thoát nước bằng thí nghiệm Cắt đơn trực tiếp (Direct Simple Shear)	ASTM D6528:2017
35	Thí nghiệm xác định mô đun đàn hồi động của vật liệu tầng móng của kết cấu áo đường (đất và đá)	AASHTO T307:1999

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
VI	**HIỆN TRƯỜNG**	
1	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	AASHTO T204:1990; TCVN8729: 2012 TCVN 12791:2020; TCVN 8305:2009 ASTM D2937
2	Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020; AASHTO T 99:2018 AASHTO T 180:2018
3	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006; ASTM D1556 AASHTO T191; BS 1377-9: 1990
4	Xác định độ ẩm tại hiện trường bằng phương pháp đốt cồn	TCVN 8728:2012
5	Đo chuyển vị ngang của đất nền, đo chuyển vị ngang nhà và công trình	ASTM D6230:2013; TCVN 9364:2012 TCVN 9399:2012; BS 5930:1999
6	Đo lún công trình	TCVN 9360:2012; ASTM D6598:2011 BS 5930:1999
7	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT, CPTu)	TCVN 9352:2012; ASTM D5778:2012 BS 1377 part 9:1990; ISO 22476-1:2013 TCVN 9846:2013
8	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D6951/6951M:2018; ISO22476-4:2012 Part 2; BS 1377 part 9:1990
9	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573:2015(e1); 22 TCN 355:2006 BS 1377 part 9:1990; ASHTO T223 ISO22476-4:2012 Part 9; TCVN 10184:2021
10	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012; ASTM D1586:2011 BS 1377 part 9:1990; ISO22476-4:2012 Part 3
11	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143:2013 BS:8004:2015; JGJ:106:2014; ISO 22477:2010 DL/T 5493:2014; JGJ:1811:2002
12	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng phương pháp tự cân bằng; Phương pháp Osterberg (O-Cell); Quy trình Kỹ thuật Thí nghiệm Self-Balance	TCVN 9393:2012; ASTM D8169:2018 BS:8004:1986; JGJ:106:2014; JGJ/T403:2017
13	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012; ASTM D6760:2016 JGJ:106:2014
14	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945:2017; JGJ:106:2014 TCVN 11321:2016; ISO 22477-4
15	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012; ASTM D5882:2016 JGJ:106:2014
16	Kiểm tra bê tông - mùn đầu cọc/ thân cọc	22TCN 257:2000, TCVN 9395:2012
17	Thí nghiệm kiểm tra đối với cột vôi và xi măng ở hiện trường - Xuyên cắt thuận	Report 4:95 SGF
18	Thí nghiệm nhổ cọc	ASTM-D3689:2013; JGJ:106:2014; ISO 22477-2
19	Thí nghiệm đẩy ngang cọc	ASTM-D3966:2013; JGJ:106:2014 JGS 1831:2010
20	Thí nghiệm đo biến dạng bê tông thân cọc (Sensor)	ASTM D1143
21	Đo áp lực nước lỗ rỗng, lún mặt, lún sâu nền đất	TCVN 8869:2011; ASTM D5092:2016; ASTM 4750; BS 5930:1999; ISO 11276:1995
22	Xác định môđun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép lớn	TCVN 8861:2011; TCVN 9354:2012 ASTM D4767; AASHTO T221, T235, T256 ISO 17892-9:2004 ASTM D4695, D1194, D1195/M

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
23	Xác định môđun đàn hồi E chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695; AASHTO T256
24	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965
25	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng thước dài 3.0 mét	TCVN 8864:2011; ASTM D950, E1082
26	Thí nghiệm xác định modul biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng (Thí nghiệm nén nền)	TCVN 9354:2012; DIN 18134:2001 ASTM 1194; BS 1377 part 9, JGS 1521:2011 NF P 94-117-1:2000
27	Thí nghiệm thấm trong hố khoan (đổ nước)/ Thấm hiện trường	TCVN 8731:2012; TCVN 9148:2012 BS 1377 part 9:1990; BS 5930
28	Phương pháp thử tải uốn, nén tầm segment của vỏ hầm lắp ghép	ASTM D6272-17:2010; KS F2408
29	Thí nghiệm xác định áp lực ngang (DMT)	ASTM D6635:2015; ISO 22476-11:2017
30	Thí nghiệm nén ngang trong đất, đá (PMT)	TCVN112:1984; ASTM D4719:2007 ISO 22476-4
31	Quan trắc vết nứt	TCVN 9364:2012; TCVN 8215:2009
32	Quan trắc áp lực đất	TCVN 8215:2009
33	Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu bê tông cốt thép chịu uốn trên công trình bằng phương pháp chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012; ASTM E455:2016
34	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429:2009 BS 1377; BS 1924
35	Thí nghiệm nén ngang trong hố khoan	ASTM D4719:2007; BS 5930:2015 ISO 22476-4:2012(E)
36	Thí nghiệm đo độ dẫn nhiệt trong đất	ASTM D5334:2014
37	Thí nghiệm đo điện trở suất của đất	IEEE 81; ASTM D6431:2018; TCVN 9432:2012
38	Thí nghiệm địa chấn trong hố khoan, địa chấn song song, địa chấn phản xạ, địa chấn khúc xạ	ASTM D7400:2017; ASTM D4428:2014 AFNOR - NF P94-160-3 ASTM D7128:2018 ASTM D5777
39	Thí nghiệm xác định chiều sâu cọc bằng Phương pháp khảo sát Georadar	ASTM D6432:2011
40	Xác định cường độ nén bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:2012; TCVN 9335:2012
41	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp thí nghiệm ép nước vào lỗ khoan	TCVN 9149:2012
42	Thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012; SDI T-CD:2017
43	Xác định mô đun đàn hồi của khối đá tại hiện trường	ASTM D 4394; ASTM D 4395
44	Thí nghiệm thử tải hệ giàn giáo	TCVN 296:2004
45	Bê tông – Phương pháp siêu âm xác định cường độ nén	TCVN 13536:2022
46	Bê tông – Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 13537:2022
VII	**CƠ LÝ MẪU ĐÁ**	
1	Xác định cường độ chịu cắt	ASTM D2936:2008; TCVN 10323:2014
2	Xác định môđun biến dạng và đàn hồi của đá gốc	ASTM D7012:2014(e1); ASTM D 3148

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
3	Xác định độ ẩm mẫu đá	ASTM D2216:2010; TCVN 10321:2014
4	Thí nghiệm xác định cường độ kháng nén mẫu đá	TCVN 10324:2014; ASTM D7012:2014(e1) ASTM D2938; ASTM D5731; AS4133.4.1
5	Thí nghiệm xác định cường độ kéo mẫu đá khi ép chẻ vật liệu ; Phương pháp xác định cường độ kéo khi bửa	ASTM D3967; TCVN 8862:2011 TCVN 3120:1993
6	Thí nghiệm cắt phẳng mẫu đá	ASTM D5607
7	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	ASTM D7012:2014; TCVN 9843:2013
8	Xác định mô đun đàn hồi của khối đá tại hiện trường	ASTM D4395
9	Xác định chỉ số chất lượng đá (RQD)	ASTM D6032
10	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của đá	22TCN57: 1984
11	Thí nghiệm xác định khối lượng thể tích của đá trong phòng	TCVN 10322:2014
12	Xác định sức chống cắt mẫu đá trên máy 3 trục theo sơ số UU, CU	ASTM D2664; ASTM D4767
VIII	**HÓA NƯỚC, HÓA ĐẤT CHO XÂY DỰNG**	
1	Xác định độ PH	ISO 10523:2008; TCVN 6492:2011
2	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl-)	TCVN 6194:1996; ISO 9297:1989 (E)
3	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO4-)	TCVN 6200:1996; ISO 9280:1990 (E)
4	Xác định lượng cặn	TCVN 4560:1988
5	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988
6	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 6186:1996; ISO 8467:1993; T194
IX	**HỖN HỢP VỮA CHÈN**	
1	Xác định độ Nhớt	TCVN 11971:2018; ASTM D6910 M
2	Xác định tỷ trọng	ASTM D4380
3	Xác định thời gian đông kết	TCVN 11971:2018; ASTM C403
4	Xác định độ co ngót	TCVN 11971:2018; ASTM C1038
5	Xác định độ lắng, độ tách nước	TCVN 11971:2018; ASTM C940
6	Xác định cường độ kháng nén	TCVN 11971:2018; ASTM C109
X	**VẬT LIỆU GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH**	
1	Xác định cường độ ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
2	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:2013
XI	**MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG NHỰA**	
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
2	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
3	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
4	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
5	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
6	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
7	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
8	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
9	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
10	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
11	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

NĂNG LỰC NHÂN SỰ

Tổng nhân sự: 80

Tiến sỹ: 1
Thạc sỹ: 16

Cao đẳng: 3

Kỹ sư và Cử nhân
Kỹ sư: 38
Cử nhân: 9

Công nhân lành nghề: 13

Viện Nền móng và Công trình ngầm
Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
024-6269-0482
024-6269-0615

NĂNG LỰC NHÂN SỰ

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm công tác
1	Nguyễn Mai Trang	Giám đốc	Kỹ sư Xây dựng cầu đường	18 năm
2	Đào Đăng Minh	Phó Giám đốc kỹ thuật	Thạc sĩ kỹ thuật-ĐCCT	18 năm
3	Đặng Minh Phương	Phó Giám đốc kinh doanh	Kỹ sư Xây dựng cầu đường	18 năm
4	Nguyễn Đăng Tâm	Trưởng phòng Kỹ thuật	Kỹ sư ĐCCT-ĐKT	18 năm
5	Phạm Công Anh	Phó phòng Kỹ thuật	Thạc sĩ kỹ thuật địa chất	14 năm
6	Nguyễn Đăng Hân	Trưởng phòng Hiện trường	Thạc sĩ kỹ thuật	19 năm
7	Nguyễn Đình Khiêm	Phó phòng Hiện trường	Thạc sĩ kỹ thuật	13 năm
8	Nguyễn Xuân Thảo	Phó phòng Hiện trường	Kỹ sư ĐCCT-ĐKT	13 năm
9	Hoàng Đình Quý	Trưởng phòng Thí nghiệm	Thạc sĩ kỹ thuật-ĐCCT	19 năm
10	Ngô Thị Thoan	Phó phòng thí nghiệm	Thạc sĩ kỹ thuật địa chất	12 năm
12	Nguyễn Thị Nụ	Chuyên viên thí nghiệm, KCS	Tiến sĩ địa chất	21 năm
13	Lương Quỳnh Trang	Trưởng phòng Kế hoạch	Kỹ sư ĐCCT-ĐKT	12 năm
14	Nguyễn Thị Thanh Vân	Kế toán trưởng	Cử nhân Kinh tế	19 năm

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Viện Nền móng và Công trình ngầm
Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
024-6269-0482
024-6269-0615

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Đơn vị: Việt Nam đồng

VIỆN NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM				
STT/No	Mục/Description	**Năm 2020**	**Năm 2021**	**Năm 2022**
1	Tổng tài sản	46.663.254.113	58.750.985.720	51.225.723.347
2	Tổng nợ phải trả	5.250.477.302	15.613.994.646	10.544.448.761
3	Tài sản ngắn hạn	43.023.681.349	56.550.272.961	49.596.295.666
4	Tổng nợ ngắn hạn	5.250.477.302	15.613.994.646	10.544.448.761
5	Doanh thu	24.032.728.844	55.077.310.638	18.115.939.081
6	Lợi nhuận trước thuế	4.386.086.346	12.061.476.554	2.865.146.498
7	Lợi nhuận sau thuế	3.726.415.851	9.655.411.659	2.280.948.075

NĂNG LỰC THIẾT BỊ

Viện Nền móng và Công trình ngầm

Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

024-6269-0482
024-6269-0615

DANH SÁCH THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM

TT	TÊN CÁC LOẠI THIẾT BỊ	XUẤT XỨ	SỐ LƯỢNG	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
I	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
1	Thiết bị đo biến dạng bê tông thân cọc	Mỹ	01 bộ	Kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi
2	Máy đo biến dạng dọc trục cọc Geokon A9	Mỹ	01 bộ	Kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi
3	Sensor đo biến dạng trong thân cọc khoan nhồi	Mỹ	80 chiếc	Kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi
4	Máy siêu âm cọc khoan nhồi Cross-hole Analyzer 6029	Mỹ	02 bộ	Kiểm tra chất lượng bê tông
5	Máy siêu âm cọc khoan nhồi CHAMP-XV	Mỹ	01 bộ	Kiểm tra chất lượng bê tông
6	Thiết bị thí nghiệm PIT 2504C	Mỹ	01 bộ	Kiểm tra chất lượng bê tông
7	Thiết bị thí nghiệm PDA PAX 3010L	Mỹ	02 bộ	Thí nghiệm xác định sức chịu tải cọc
8	Búa 8-30 tấn phục vụ thí nghiệm PDA	Việt Nam	03 bộ	Phục vụ thí nghiệm PDA
9	Kích thuỷ lực 800 tấn	Trung Quốc	17 bộ	Thí nghiệm kéo, nén cọc
10	Kích thuỷ lực 500 tấn		10 bộ	Thí nghiệm kéo, nén, đẩy ngang cọc
11	Kích thuỷ lực 300 tấn	UN	06 bộ	Thí nghiệm kéo, nén, đẩy ngang cọc
12	Kích thuỷ lực 50 - 100 - 200 tấn	UN	28 bộ	Thí nghiệm kéo, nén, đẩy ngang cọc
13	Máy đọc Loadcell GK405	Mỹ	01 bộ	Thí nghiệm nén tĩnh
14	Loadcell 1000T VW Model 4900	Mỹ	04 bộ	Thí nghiệm nén tĩnh
15	Loadcell 500T VW Model 4900	Mỹ	02 bộ	Thí nghiệm nén tĩnh
16	Đối trọng BTCT các loại kích cỡ (từ 2 tấn đến 7 tấn)	Việt Nam	02 bộ	Thí nghiệm nén tĩnh tải trọng đến 3500 tấn
17	Dầm thép I800 dài 11m, hộp II1500 dài 10.5 m	Liên Xô	06 bộ	Thí nghiệm nén tĩnh tải trọng đến 3500 tấn
18	Dầm thép I450 dài 7.5m, I600 dài 6 m	Liên Xô	06 bộ	Thí nghiệm nén tĩnh tải trọng đến 300 tấn
19	Đồng hồ so hành trình 50 mm	Đài Loan	72 bộ	Đo biến dạng, chính xác đến 0.01mm
20	Áp kế dầu 600 KN	Liên Xô	30 bộ	Đo áp, cấp chính xác 0.4
21	Hệ thống bơm thuỷ lực	UN	09 bộ	Phù hợp với các kích thuỷ lực
22	Mâm thép dàn tải, kích thước 200x1500x1500	VN	12 bộ	Đệm cho hệ kích
II	THIẾT BỊ KHẢO SÁT ĐỊA KỸ THUẬT VÀ QUAN TRẮC CÔNG TRÌNH			
1	Máy xuyên CPTu	Hà Lan	01 bộ	Tải trọng xuyên tối đa 26 tấn, độ sâu tối đa 70m
2	Máy thí nghiệm nén ngang SDMT	Italy	01 bộ	Thí nghiệm nén ngang trong hố khoan kết hợp đo địa vật lý
3	Thiết bị đo chuyển vị ngang	Mỹ	03 bộ	Đo chuyển vị ngang

Viện Nền móng và Công trình ngầm
Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
024-6269-0482
024-6269-0615

DANH SÁCH THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM

TT	TÊN CÁC LOẠI THIẾT BỊ	XUẤT XỨ	SỐ LƯỢNG	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
4	Thiết bị đo áp lực nước lỗ rỗng	Mỹ	04 bộ	Đo áp lực nước lỗ rỗng
5	Thiết bị quan trắc lún sâu	Mỹ	03 bộ	Đo lún sâu
6	Thiết bị đo mực nước	Mỹ	01 bộ	Đo mực nước, độ sâu tối đa 50m, chính xác đến 0.005m
7	Máy toàn đạc điện tử GPT-3005N	Nhật Bản	01 bộ	Đo địa hình, đo cao
8	Máy kinh vĩ AG-20BP, THEO 20	Nhật Bản	02 bộ	Đo địa hình, xác định lưới trục tọa độ
9	Máy thủy chuẩn Ni004, Ni007	Đức	02 bộ	Đo cao độ, quan trắc lún
10	Máy thủy chuẩn AX-2S, C30	Nhật Bản	03 bộ	Đo cao độ, quan trắc lún
11	Máy khoan D2K	Nhật Bản	03 bộ	Khoan khảo sát đất đá, độ sâu tối đa 200m
12	Máy khoan XY-100	Trung Quốc	10 bộ	Khoan khảo sát đất đá, độ sâu tối đa 100m, đường kính tối đa 150mm
13	Máy khoan XY-1A	Trung Quốc	05 bộ	Khoan khảo sát đất đá, độ sâu tối đa 100m, đường kính tối đa 150mm
14	Dụng cụ thí nghiệm SPT trong hố khoan, đi kèm với máy khoan khảo sát địa chất	Trung Quốc	15 bộ	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, độ sâu tối đa 100m, đường kính tối đa 150mm
15	Thiết bị thí nghiệm cắt cánh	Anh	05 bộ	Thí nghiệm cắt cánh, khả năng thực hiện thí nghiệm đến 30m, dải đo từ 0-16 tấn/ m2
16	Thiết bị thí nghiệm nén nền bằng tấm ép cứng hiện trường	Trung quốc	01 bộ	Thí nghiệm xác định môdun biến dạng của đất nền
17	Bộ thí nghiệm Belkeman	Mỹ	01 bộ	Thí nghiệm xác định môdun đàn hồi mặt nền công trình
III	**THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM TRONG PHÒNG**			
1	Máy nén bê tông + đá	Inđônêxia	01 bộ	Khả năng ép 200T
2	Máy cưa đá + bê tông	Hà Lan	01 bộ	Mạch cưa 100mm
3	Máy mài đá + bê tông	Trung Quốc	01 bộ	Mài thô
4	Máy 3 trục	Wykeham Farrance	01 bộ	50kN
5	Bộ thí nghiệm chỉ số dẻo	Việt Nam	03 bộ	Kính nhám dày 5mm
6	Bộ thí nghiệm khối lượng riêng	Trung Quốc	45 bình	100ml
7	Tủ sấy	Trung Quốc	02 bộ	10 – 300C
8	Lò nung	Trung Quốc	02 bộ	10 – 1000C
9	Bình chưng cất nước	Trung Quốc	01 bộ	5l/h
10	Cối đầm chặt tiêu chuẩn	Việt Nam	03 bộ	Đường kính trong 10cm và 12.5 cm
11	Bộ thiết bị thí nghiệm nén lún không nở hông (Máy nén Tam Liên)	Trung Quốc	07 bộ	Lực nén 0-120kG
12	Máy cắt phẳng	Trung Quốc	02 bộ	3 tốc độ (tử 0.01-1.2 mm/phút)
13	Cân điện tử Ohaus	Mỹ	02 bộ	Độ chính xác 0.01g
14	Cân điện tử Ohaus	Mỹ	01 bộ	Độ chính xác 0.1g
15	Thiết bị xác định sức chịu tải CBR	Việt Nam	01 bộ	0-100KN
16	Hộp thấm Nam Kinh	Việt Nam	05 bộ	Đường kính mẫu 61,8mm
17	Dụng cụ TN Casagrade	Trung Quốc	02 bộ	
18	Bộ sàng BS (TC Anh)	Anh	01 bộ	Các cỡ theo tiêu chuẩn BS
19	Bộ sàng ASTM	Mỹ	01 bộ	Các cỡ theo tiêu chuẩn ASTM
20	Bộ sàng cốt liệu	Trung Quốc	02 bộ	Các cỡ từ 0.15-70mm

DANH SÁCH THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM

TT	TÊN CÁC LOẠI THIẾT BỊ	XUẤT XỨ	SỐ LƯỢNG	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
21	Nhiệt kế 50^0C, 100^0C	Đức	02 bộ	0-200C
22	Khuôn (15x15x15cm) và dụng cụ lấy mẫu bê tông	Việt nam	03 bộ	Lấy mẫu bê tông & bảo dưỡng mẫu thử
23	Côn thử độ sụt, que chọc phễu	Việt nam	01 bộ	Thử độ sụt bê tông
24	Thiết bị thí nghiệm ba trục tự động	Thái Lan	06 bộ	Lực nén 0-200 kg, áp lực 10 Kpa
25	Bộ thí nghiệm nén lún một trục không nở hông tự động	Thái Lan	8 bộ (24 máy)	Lực nén 0-1600 Kpa
26	Thí nghiệm nén cố kết với tốc độ gia tải không đổi (CRS)	Thái Lan	01 bộ	Lực nén 1000 kG
27	Dàn thí nghiệm thấm xuyên của bấc thấm và vải địa kỹ thuật	BT Tech (Mỹ)	01 bộ	Lực nén ép 10000 lbs
28	Dàn thí nghiệm hệ số thấm của vải địa kỹ thuật	BT Tech (Mỹ)	01 bộ	Cột nước thay đổi và cột nước không đổi
29	Máy kéo nén bấc thấm đa năng	INSTRON (Mỹ)	01 bộ	0-50 KN
30	Máy thử bục vải địa kỹ thuật	TOYOSEIKI (Nhật	01 bộ	0-2000 KPa
31	Cân điện tử Ohaus	Mỹ	01 bộ	Độ chính xác 0.001
32	Bộ thiết bị xác định kích thước lỗ biểu kiến của vải địa	BT Tech (Mỹ)	01 bộ	Bộ hạt chuẩn & Bộ sàng chuẩn theo tiêu chuẩn ASTM
33	Thiết bị xác định độ dày của bấc thấm và vải địa	Mitutoyo (Nhật)	01 bộ	Chính xác 0.001 mm
34	Khuôn xi măng	Việt Nam	02 khuôn	
35	Khuôn CBR	Việt Nam	06 khuôn	Đường kính trong 12.5cm
36	Dụng cụ thí nghiệm hệ số thấm của đất cát	Việt Nam	01 bộ	Cột nước không đổi
37	Tỷ trọng kế	Anh	02 bộ	-2 đến 30 số đọc

Viện Nền móng và Công trình ngầm
Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
024-6269-0482
024-6269-0615

DỊCH VỤ

KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT VÀ TRẮC ĐỊA

QUAN TRẮC ĐỊA KỸ THUẬT

THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG

Viện Nền móng và Công trình ngầm
Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
024-6269-0482
024-6269-0615

DỊCH VỤ

1. KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT VÀ KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH

KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT

- Khoan khảo sát địa chất, khoan khảo sát trên biển , khảo sát địa vật lý, TN xuyên tiêu chuẩn (SPT), lấy mẫu đất thí nghiệm.
- Thí nghiệm xuyên tĩnh, đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu).
- Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (VST).
- Thí nghiệm nén ngang trong hố khoan (PMT, LLT).
- Các thí nghiệm địa vật lý: Thí nghiệm đo địa chấn trong hố khoan, thí nghiệm đo điện trở của đất, ...
- Thí nghiệm kiểm tra sức chịu tải của đất nền

Viện Nền móng và Công trình ngầm
Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
024-6269-0482
024-6269-0615

DỊCH VỤ/ SERVICE

KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH

- Lập lưới không chế, đo vẽ bình đồ khu vực dự án.
Điều tra số liệu địa hình, thủy văn khu vực dự án.
- Đo vẽ trắc dọc, trắc ngang, lập lưới cao độ khu vực dự án.

Viện Nền móng và Công trình ngầm
Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
024-6269-0482
024-6269-0615

DỊCH VỤ

PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS XD-24.002

Phòng thí nghiệm LAS- XD 24.002

Ngày thành lập: 26 tháng 10 năm 2011

Địa chỉ: Số 31, Ngõ 4 Đỗ Đức Dục, Mễ Trì Thượng, Mễ Trì, Huyện Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.3782.4126

Máy thử cắt thuần túy

ThiếT bị phục vụ thí nghiệm cơ lý

DỊCH VỤ

Máy nén ba trục

Máy kiểm tra bấc thấm

Viện Nền móng và Công trình ngầm
Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
024-6269-0482
024-6269-0615

2. CÔNG TÁC QUAN TRẮC ĐỊA KỸ THUẬT

Công tác quan trắc địa kỹ thuật trong xử lý nền đất yếu sử dụng phương pháp bơm hút chân không

Quan trắc chuyển vị và biến dạng công trình

3. THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG

Hiện nay, thí nghiệm nền móng công trình là một ngành mũi nhọn kinh doanh và cũng là thế mạnh của Viện Nền móng và công trình ngầm trong lĩnh vực kiểm định xây dựng. Là một trong những đơn vị hàng đầu về thí nghiệm nền móng, Viện đã tiến hành các thí nghiệm kiểm tra chất lượng cọc cho nhiều Dự án với quy mô tải trọng lớn. Các hạng mục công việc bao gồm:

- ✓ Thí nghiệm nén tĩnh cọc khoan nhồi chịu tải trọng lớn
- ✓ Thí nghiệm Osterberg Cell (O-cell) cọc khoan nhồi và cọc barrette
- ✓ Thí nghiệm nhổ cọc, đẩy ngang cọc.
- ✓ Thí nghiệm PDA, PIT, siêu âm kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi
- ✓ Thí nghiệm siêu âm tường vây

Thí nghiệm nén tĩnh

TN nén tĩnh kết hợp
TN đo biến dạng thân cọc

Viện Nền móng và Công trình ngầm
Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
024-6269-0482
024-6269-0615

THÍ NGHIỆM NÉN TĨNH BẰNG PHƯƠNG PHÁP CHẤT TẢI

Đối với thí nghiệm nén tĩnh kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi, Viện Nền móng và công trình ngầm đã nghiên cứu và sử dụng phương pháp nén tĩnh kết hợp lắp đặt sensor để đo biến dạng bê tông dọc thân cọc. Đây là một công nghệ mới với các ưu điểm chính như:

- ✓ Đo được sức kháng ma sát thành cọc, đo được sức kháng mũi cọc.
- ✓ Kết quả đo có độ chính xác cao, kết quả tin cậy.
- ✓ Kết quả được Tư vấn thiết kế sử dụng để tính toán lại chiều dài cọc tối ưu.

Công nghệ mới này đã được áp dụng cho các công trình xây dựng từ 30 đến 70 tầng, chứng tỏ tính ưu việt và đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư về độ tin cậy của số liệu thí nghiệm và hiệu quả áp dụng của phương pháp.

✓ **Thí nghiệm nén ngang cọc khoan nhồi**

✓ **Thí nghiệm nén tĩnh cọc khoan nhồi**

Viện Nền móng và Công trình ngầm
Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
024-6269-0482
024-6269-0615

THÍ NGHIỆM BẰNG HỘP TẢI TRỌNG

Thí nghiệm bằng hộp tải trọng là một dạng thí nghiệm nén tĩnh - thử tải cọc với những đặc điểm nổi bật về việc tiết kiệm thời gian và không gian yêu cầu cho thí nghiệm, thí nghiệm O-cell được thực hiện từ điểm ở giữa thân cọc hay ở gần mũi cọc thay vì lực tác dụng lên đỉnh cọc như trong phương pháp nén tĩnh truyền thống. Kích thủy lực, tải trọng lớn, bỏ lại trong thân cọc sau thí nghiệm được gắn trước vào thân cọc trong quá trình thi công cọc. Lực thí nghiệm sẽ tác dụng theo hai chiều ngược nhau: lực hướng lên trên chống lại ma sát thành của phần trên và lực hướng dưới chống lại sức chống mũi, ma sát phần dưới của cọc.

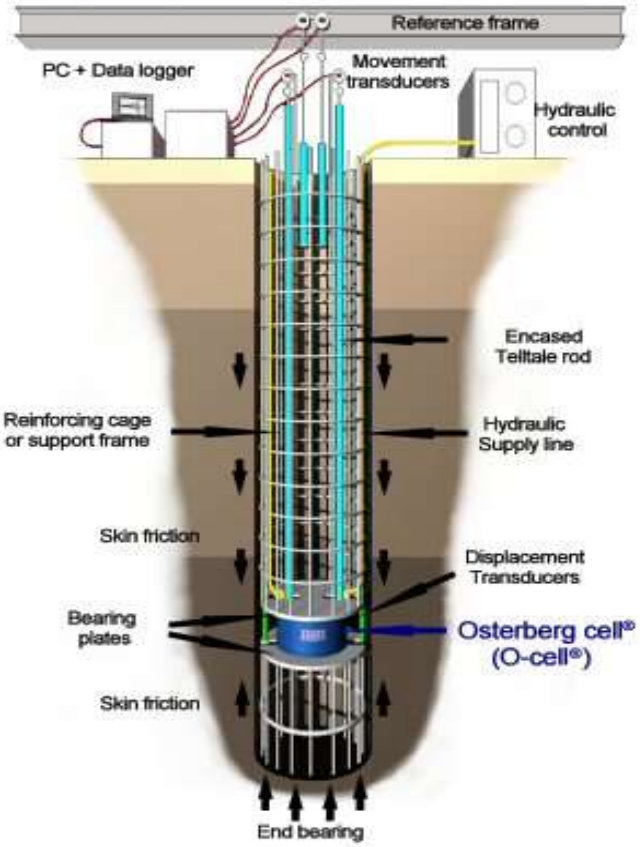

Sơ họa thí nghiệm Osterberg Cell

Lắp đặt O-cell cho cọc khoan nhồi

Viện Nền móng và Công trình ngầm
Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
024-6269-0482
024-6269-0615

PHẦN MỀM THÍ NGHIỆM O-CELL TỰ ĐỘNG

Viện Nền móng và Công trình ngầm
Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
024-6269-0482
024-6269-0615

KINH NGHIỆM

Viện Nền móng và Công trình ngầm

Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

024-6269-0482
024-6269-0615

CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

STT	TÊN CÔNG TRÌNH/ GÓI THẦU	ĐỐI TÁC	NỘI DUNG CÔNG TÁC THÍ NGHIỆM	THỜI GIAN THỰC HIỆN
THÍ NGHIỆM NÉN TĨNH BẰNG PHƯƠNG PHÁP CHẤT TẢI				
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối đường Pháp Vân- Cầu Gĩe với đường Vành đai 3	BQLDA Đầu tư XD CTGT TP Hà Nội	- TN hiện trường, xuyên tĩnh, kiểm tra giếng cát - TN khoan lõi kiểm tra trụ CDM - TN nén tĩnh - TN kiểm tra chất lượng cọc bằng phương pháp siêu âm - TN ép cọc biến dạng lớn PDA	09/2023
2	Kho nguyên liệu- Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn	Công ty TNHN và đầu tư Thành Nguyễn	- TN nén tĩnh thử tải cọc bê tông bằng phương pháp chất tải - TN kiểm tra chất lượng cịc bê tông bằng phương pháp siêu âm	06/2021
3	Đầu tư xây dựng cầu Vĩnh Tuy- Giai đoạn 2 (Gói thầu 05/VT2-TVKT: Kiểm tra sức chịu tải của cọc khoan nhồi)	BQLDA Đầu tư XD CTGT TP Hà Nội	-TN nén tĩnh cọc khoan nhồi -TN PDA cọc khoan nhồi -TN siêu âm cọc khoan nhồi	4/2021
4	Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2	Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	-TN nén tĩnh cọc PHC -TN nhổ cọc PHC -TN đẩy ngang cọc PHC	05/2018
5	Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn – Ga Hà Nội	- Daelim Industrial Co.,Ltd - Posco E&C Vietnam Co., Ltd	TN nén tĩnh , TN siêu âm TN đẩy ngang, TN PDA TN khoan kiểm tra tiếp xúc mũi cọc TN nén tĩnh cọc khoan nhồi D=1.0m TN đẩy ngang, Khoan bổ sung kiểm tra xử lý đáy cọc khoan nhồi	10/2014-2015

CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

STT	TÊN CÔNG TRÌNH/ GÓI THẦU	ĐỐI TÁC	NỘI DUNG CÔNG TÁC THÍ NGHIỆM	THỜI GIAN THỰC HIỆN
THÍ NGHIỆM BẰNG HỘP TẢI TRỌNG				
1	Đầu tư xây dựng cầu Máy Chai tại đảo Vũ Yên, thành phố Hải Phòng	Công ty Cổ phần tập đoàn Thuận An Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính	Thí nghiệm nén tĩnh bằng phương pháp hộp tải trọng cọc D2000, tải trọng thí nghiệm 3600T/ cọc	09/2023
2	Cầu Phước An – Gói thầu số 27: Thí nghiệm cọc khoan nhồi, Osterberg trong quá trình thi công xây lắp cầu chính từ trụ T37 đến trụ T40 (bao gồm điều tiết giao thông thủy) - Gói thầu số 26: Thí nghiệm cọc khoan nhồi, Osterberg trong quá trình thi công xây lắp cầu dẫn từ đầu tuyến đến trụ T36-T37	Ban QLDA Giao thông Khu vực Cảng Cái Mép – Thị Vải	Gói thầu số 27: Thí nghiệm cọc bằng phương pháp tự cân bằng: 01 cọc D2000, TTTN 35.917 kN/cọc 01 cọc D2000, TTTN 44.137 kN/cọc Gói thầu số 26: Thí nghiệm cọc bằng phương pháp tự cân bằng: 01 cọc D1200, TTTN 1100 tấn/cọc 01 cọc D1200, TTTN 950 tấn/cọc 01 cọc D1200, TTTN 1000 tấn/cọc	07/2023
3	Gói thầu số 15: Xây dựng cầu Bến Rừng thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Bến Rừng nối huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng và thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp tự cân bằng: 01 cọc D2000, TTTN 2586 tấn/cọc	12/2022
4	Xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu - huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp tự cân bằng: 01 cọc D2000, TTTN 2533,5 tấn/cọc	8/2022
5	Gói thầu XL04: Thi công xây dựng Cầu Bến Mới – dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (Giai đoạn 1)	Tổng Công ty Thăng Long – CTCP	Thí nghiệm nén tĩnh bằng phương pháp hộp tải trọng: 01 cọc D1500, TTTN 2000 tấn/cọc	6/2022
6	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Hưng Hà và đường dẫn 2 đầu cầu thuộc tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng và đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Chi nhánh Tổng công ty XD công trình hàng không ACC – xí nghiệp tư vấn và kiểm định chất lượng ACC	Thí nghiệm nén tĩnh bằng phương pháp hộp tải trọng 01 cọc đường kính D2000, TTTN 3030 tấn/cọc Thí nghiệm PDA trên cạn, dưới sông cọc D2000	06/2016-11/2016
7	Cầu Cao Lãnh- Gói thầu CWIB- Cầu Cao Lãnh và 200m cầu dẫn 2 bên đầu cầu Km3+800- Km 6+200	Liên danh China Road & Bridge corporation và Vinaconex E&C –TC THGT CW1B XD đường và Cầu Cao Lãnh	Thí nghiệm nén tĩnh bằng phương pháp hộp tải trọng 44 cọc D2500,2 lớp O-Cell, TTTN~5000Tấn	2013-2015

CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

STT	TÊN CÔNG TRÌNH/ GÓI THẦU	ĐỐI TÁC	NỘI DUNG CÔNG TÁC THÍ NGHIỆM	THỜI GIAN THỰC HIỆN
KHẢO SÁT ĐỊA KỸ THUẬT				
1	Đầu tư xây dựng bến cảng số 5, số 6 khu bến cảng Lạch Huyện thuộc cảng biển Hải Phòng	Công ty TNHN Cảng Container Quốc tế Hateco Hải Phòng (HATECO HIT)	- Khoan khảo sát địa chất trước và sau xử lí -Khoan lấy mẫu thí nghiệm CDM - Khoan lõi cọc CDM giai đoạn thí nghiệm và đại trà	01/2023
2	MaiLand Hanoi City	Keppel Land Vietnam An Khanh	-Khảo sát địa chất -Thí nghiệm hiện trường (đo điện trở, xuyên tĩnh, cắt cánh) -Thí nghiệm trong phòng	9/2022
3	Điên rác Nam Định	Southwest Electric Power Design Institute Co.,Ltd. (SWEPDI)	-Khảo sát địa chất (Trên cạn và dưới nước) -Thí nghiệm hiện trường (đo điện trở, nén ngang, xuyên tĩnh, cắt cánh) - Khảo sát địa hình -Thí nghiệm trong phòng	2/2022
4	Điện gió Nexif	Central Southern China Electric Power Design Institute Of China Power Engineering Consulting Group (CSEPDI)	-Khảo sát địa chất (Trên cạn và dưới nước) -Thí nghiệm hiện trường (đo điện trở, nén ngang, xuyên tĩnh, cắt cánh) - Khảo sát địa hình -Thí nghiệm trong phòng	7/2021
5	Điện gió Lạc Hòa T&T	Central Southern China Electric Power Design Institute Of China Power Engineering Consulting Group (CSEPDI)	-Khảo sát địa chất (Trên cạn và dưới nước) -Thí nghiệm hiện trường (đo điện trở, nén ngang, xuyên tĩnh, cắt cánh) - Khảo sát địa hình -Thí nghiệm trong phòng	9/2021
6	Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II	Liên doanh Công ty TNHH Xây dựng và Công nghiệp nặng Doosan, Tập đoàn Samsung C&T, Công ty CP Tập đoàn Thái Bình Dương	-Khảo sát địa chất (Trên cạn và dưới nước) -Thí nghiệm hiện trường (đo điện trở, nén ngang, xuyên tĩnh, cắt cánh) - Khảo sát địa hình -Thí nghiệm trong phòng	11/2020

CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

STT	TÊN CÔNG TRÌNH/ GÓI THẦU	ĐỐI TÁC	NỘI DUNG CÔNG TÁC THÍ NGHIỆM	THỜI GIAN THỰC HIỆN
QUAN TRẮC CÔNG TRÌNH				
1	Dự án Thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nghi Sơn- Diễn Châu thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020- Gói XL04: Km 419+600-Km 430	- Công ty cổ phần xây dựng Tân Nam - Công ty cổ phần 471 - Công ty cổ phần tập đoàn Cienco 4	Quan trắc chuyển vị ngang, áp lực nước lỗ rỗng	12/2021
2	Dự án đầu tư xây nâng cấp, mở rộng và xây dựng 04 đoạn tuyến QL60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên - Gói thầu XL-02: Thi công xây dựng đoạn 2 KM23+100-KM26+884 (Bao gồm cầu Hòa Lộc 2) - Gói thầu XL-03: Thi công xây dựng đoạn từ KM0+000-KM3+500 (Bao gồm các cầu số 2, 3, 4) - Gói thầu XL-07: Thi công xây dựng đoạn 4 từ KM4+700-KM6+800 (Bao gồm cầu An Thới và cầu Rạch Bầu) - Gói thầu XL-08: Thi công xây dựng đoạn 4 từ KM6+800-KM8+380 (Bao gồm cầu Đồng 2, cầu Cả Chát và cầu Rạch Đập)	- Công Ty Tnhh Đầu Tư Và Xây Dựng Thành Đạt - Công Ty Xây Dựng 123 – Cn Tổng Công Ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 1 – Công Ty Cp - Công Ty Cổ Phần Licogi 13 – Đầu Tư Xây Dựng Và Hạ Tầng - Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Cơ Sở Hạ Tầng Hoàng Nguyên	Quan trăc xử lý nền	7/2018-3/2019
3	Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2	Southwest Electric Power Design Institute Co.,Ltd. (SWEPDI)	Xây dựng mốc chuẩn đo lún	7/2018
4	FORMOSA 9D0001Z1	Công ty TNHH gang thép Hưng nghiệp FORMOSA Hà Tĩnh	Quan trắc lún mặt, lún sâu, áp lực nước lỗ rỗng, chuyển vị ngang, mực nước ngầm Quan trắc mốc bằng GPS, đo thủy chuẩn hạng I	10/2017-10/2018
5	Nhà máy thủy điện Nậm Mu 2	Công ty TNHH MTV Thủy điện SODIC Điện Biên	Đo biến dạng khe hở, đo áp lực thấm, đo ứng suất bê tông, đo nhiệt độ bê tông dung trong thi công và vận hành, đo áp lực mạch động	2/2017

HỢP ĐỒNG KINH NGHIỆM

Viện Nền móng và Công trình ngầm
Tầng 16, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
024-6269-0482
024-6269-0615

VIỆN NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM